

Bản án số: 27 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 -7-2023.

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung.

Ông Đinh Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1982. Có mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu: K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở: Số nhà 38, đường Nguyễn Xiển, khối 23, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm Á, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đình Đ1 bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T có đăng ký kết hôn tháng 5 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc cùng với gia đình nhà chồng tại khối T, phường H, thành phố V. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T không chịu làm ăn, có quan hệ bất chính với người khác, mặc dù anh đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng cũng không thay đổi. Dần dần tình cảm sút mẻ và trầm trọng hơn, từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Huy H, sinh ngày 30/4/2010. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung do hiện nay chị T đang ở nước ngoài Về cấp dưỡng anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào tháng 5 năm 2012 và được tổ chức cưới hỏi tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khoảng năm 2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân. Đối với việc anh Đ xin ly hôn, chị nhất trí xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh Đ đã khai là đúng. Do chị đang ở nước ngoài nên chị đồng ý cho anh Đ nuôi con. Về cấp dưỡng chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đồng/tháng cho cháu.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Nên không đề nghị giải quyết.

Hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị T; Giao cháu Trịnh Huy H sinh ngày 30/4/2010 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T vì anh Đ không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 1385/PA01(XNC) ngày 13/02/2023 của Công an tỉnh T xác định chị Trịnh Thị T đã xuất cảnh ngày 11/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài trở về Việt Nam và có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai trình bày quan điểm đối với việc ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ đồng thời xin giải quyết vắng mặt trong vụ án. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Trịnh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo anh Đ trình bày: Do chị T không chịu làm ăn, có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dần dần vợ chồng không còn tiếng nói chung. Năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ2 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Phía bị đơn chị T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện cả hai không còn tình cảm, chị đồng ý ly hôn với anh Đ. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh Đ và chị T đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng. Tại phiên tòa anh Đ giữ nguyên quan điểm, xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị T là phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh Đ và chị T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Huy H, sinh ngày 30/4/2010. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T thể hiện quan điểm nhất trí để anh Đ được nuôi con chung do hiện nay chị đang ở nước ngoài. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc con chung của anh Đ. Giao con chung là Trịnh Huy H, sinh ngày 30/4/2010 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ, chị T xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

[3] Án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình Đ đối với chị Trịnh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình Đ được ly hôn với chị Trịnh Thị T.
2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Huy H, sinh ngày 30/4/2010 cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung

đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Trịnh Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị T do anh Đ không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0005447 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương